

PHU LỤC: TÌNH HÌNH GIÁ CẢ MỘT SỐ NÔNG SẢN THỰC PHẨM*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày tháng năm 2016)***1. Ngành trồng trọt**

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 29/4/2016 (đồng/kg)	Giá bán ngày 22/4/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 22/4/2016 (đồng/kg)		Địa điểm khảo sát giá
				Giá trị	%	
1	Bầu xanh - Bầu sao	11.000	11.000	Giá không đổi		(*)
2	Bí Xanh (Bí đao)	14.000	14.000	Giá không đổi		(*)
3	Cải nà (cải rổ)	25.000	25.000	Giá không đổi		(*)
4	Cải ngọt	15.000	15.000	Giá không đổi		(*)
5	Cải xanh	16.000	16.000	Giá không đổi		(*)
6	Rau bắp cá (diếp cá)	27.000	27.000	Giá không đổi		(*)
7	Dưa leo	16.000	16.000	Giá không đổi		(*)
8	Húng quế	26.000	26.000	Giá không đổi		(*)
9	Khổ qua	17.000	17.000	Giá không đổi		(*)
10	Mướp hương	16.000	16.000	Giá không đổi		(*)
11	Rau lang	12.000	11.000	1.000	9	(*)
12	Đậu đũa	16.000	16.000	Giá không đổi		(*)
13	Rau đắng	11.000	11.000	Giá không đổi		(*)
14	Rau dền	13.000	13.000	Giá không đổi		(*)
15	Rau húng cây	40.000	35.000	5.000	14	(*)
16	Rau má	20.000	16.000	4.000	25	(*)
17	Rau mồng tơi	13.000	13.000	Giá không đổi		(*)
18	Rau muống	12.000	12.000	Giá không đổi		(*)
19	Rau ngót	19.000	19.000	Giá không đổi		(*)
20	Rau ôm	15.000	15.000	Giá không đổi		(*)
21	Cần nước	26.000	24.000	2.000	8	(*)
22	Cải ngồng	17.000	17.000	Giá không đổi		(*)
23	Rau tía tô	55.000	50.000	5.000	10	(*)
24	Ngò rí	60.000	60.000	Giá không đổi		(*)
25	Hẹ lá	30.000	30.000	Giá không đổi		(*)
26	Ngò gai	30.000	30.000	Giá không đổi		(*)
27	Rau đay	22.000	20.000	2.000	10	(*)
28	Cải thìa	17.000	17.000	Giá không đổi		(*)
29	Đậu bắp	20.000	18.000	2.000	11	(*)

2. Sữa tươi, thịt bò

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 29/4/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 22/4/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 29/3/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm khảo sát giá
			Giá trị		Giá trị	%		
1. Sữa tươi								
1.1	Giá mua sữa	13.300 đến	Giá không		Giá không		Giá thu	(1)

	(Vinamilk)	13.750 đ/lít	đôi		đôi		theo HD	
1.2	Giá mua sữa (Friesland - Campina)	13.500 đến 14.000 đ/lít	Giá không đôi		Giá không đôi		Giá thu theo HD	(1)
2. Thịt bò								
2.1	Bò Bắp	245.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	(2)
2.2	Đùi bò	240.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	(2)
2.3	Thăn nội	340.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	(2)
2.4	Thăn ngoại	330.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	(2)
3. Thịt heo								
3.1	Thịt heo đùi	80.000 đ/kg	Giá không đôi		-5.000	-6	Bán lẻ	(3)
3.2	Thịt heo nạc	85.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	(3)
3.3	Thịt heo hơi	45.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	(4)

3. Trứng, gạo

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 29/4/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 22/4/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 29/3/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm lấy giá
			Giá trị		Giá trị	%		
1	Trứng gà (hộp 10 quả)	22.000 đ/10quả	Giá không đôi		-3.000	-12	Bán lẻ	Bà Chiêu
2	Trứng vịt (hộp 10 quả)	32.000 đ/10quả	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	Bà Chiêu
3	Gạo một bụi	12.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	Bà Chiêu
4	Gạo nàng thơm chợ Đào	20.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	Bà Chiêu
5	Gạo tài nguyên	16.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	Bà Chiêu
6	Gạo Đài Loan	18.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	Bà Chiêu
7	Gạo Tẻ thường	10.000 đ/kg	Giá không đôi		Giá không đôi		Bán lẻ	Bà Chiêu

4. Thịt heo, thịt gia cầm

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 29/4/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 22/4/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước ngày 29/3/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm lấy giá
			Giá trị	%	Giá trị	%		

1. Thịt heo								
1.1	Heo bên (giá nhập chợ) thịt	62.000 đ/kg	Giá không đổi		+10.000	19	Bán buôn	(1)
1.2	Heo bên (giá bán thẳng) thịt	58.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
1.3	Heo mảnh loại 1	68.000 đ/kg	+2.000	3	+3.000	5	Bán buôn	(2)
1.4	Heo mảnh loại 2	65.000 đ/kg	+2.000	3	+5.000	8	Bán buôn	(2)
2. Thịt gia cầm								
2.1	Thịt gà tam hoàng	64.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
2.2	Thịt gà công nghiệp	41.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
2.3	Thịt vịt tươi	60.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)

5. Tinh heo, thức ăn gia súc

Stt	Tên mặt hàng	Quy cách	Giá bán ngày 29/4/2016 (đồng/bao)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 22/4/2016 (đồng/bao)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 29/3/2016 (đồng/bao)		Ghi Chú
				Giá trị	%	Giá trị	%	
a. Tinh heo								
1	Tinh heo CP	Liều	55.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
b. Heo giống								
1	Heo giống (20kg)	Kg	85.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
c. Thức ăn hỗn hợp								
1	Từ 15kg đến 30 kg (CP)	Bao 25kg	232.500	Giá không đổi		-7.500	-3	(*)
2	Từ 30 kg đến 60 kg (CP)	Bao 25kg	220.500	Giá không đổi		-7.000	-3	(*)
3	Từ 15kg đến 30 kg (NUPAK)	Bao 25kg	245.000	Giá không đổi		-5.000	-2	(*)
4	Từ 30 kg đến 60 kg (NUPAK)	Bao 25kg	235.000	Giá không đổi		-3.000	-1	(*)
5	Từ 61 kg đến xuất chuồng (NUPAK)	Bao 25kg	232.000	Giá không đổi		-3.000	-1	(*)